

Bản án số: 36/2020/HS-ST  
Ngày 07-7-2020

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHI LĂNG, TỈNH LẠNG SƠN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thị Hương Giang.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Hoàng Văn Thụy;

Bà Đinh Thị Thao.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số: 15/2020/TLST-HS, ngày 19 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2020/QĐXXST-HS, ngày 13 tháng 4 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2020/HSST-QĐ, ngày 13 tháng 5 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2020/HSST-QĐ, ngày 07 tháng 6 năm 2020 và thông báo thay đổi thời gian xét xử số 605/TB-TA, ngày 18 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Đức D, sinh ngày 06 tháng 11 năm 1991 tại huyện M, thành phố Hà Nội; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Tổ 6, thị trấn Q, huyện M, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn O; con bà: Lê Thị P; vợ: Nguyễn Thị Thu H; con: Có 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xét xử, chưa bị xử lý vi phạm hành chính; bị cáo bị tạm giữ tại nhà tạm giữ Công an huyện Chi Lăng từ ngày 09/01/2020 đến ngày 15/01/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay; có mặt.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:***

1. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1990; trú tại: Thôn Y, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; vắng mặt.

2. Anh Hà Ngọc M, sinh năm 1982; trú tại: khu L, thị trấn Đ, huyện C1, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

3. Chị Kim Thị Thu H, sinh năm 1991; trú tại: thôn Y, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; vắng mặt.

4. Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1995; trú tại Tổ 6, thị trấn Q, huyện M, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 09 giờ 30 phút ngày 04/01/2020 tại km 34 quốc lộ 1A thuộc địa phận thôn B, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Công an huyện Chi Lăng phối hợp với Tổ tuần tra kiểm soát giao thông thuộc Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Lạng Sơn dừng xe ô tô biển kiểm soát 29H-032.69 do anh Nguyễn Văn L điều khiển hướng Lạng Sơn - Hà Nội, kiểm tra phát hiện trên thùng xe ô tô có 02 (hai) bao tải dừa màu xanh, bên trong đóng khung gỗ và bọc bìa cát tông có chứa: 02 (hai) vật hình tròn, vỏ giấy màu đỏ, đường kính 89cm, cao 07cm, trong mỗi vật có nhiều vật hình trụ vỏ giấy, đầu mỗi vật có gắn dây ngòi được liên kết với nhau thành tràng; 02 (hai) vật hình khối được liên kết với nhau bằng 88 ống hình trụ tròn vỏ giấy, đường kính mỗi ống 05cm, có tổng trọng lượng 75,3 kg. Anh Nguyễn Văn L khai nhận số hàng hóa trên vận chuyển thuê cho một người đàn ông (không quen biết) từ thị trấn Đ, huyện C1, tỉnh Lạng Sơn về thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc để nhận 400.000 đồng tiền công, khi nhận hàng, anh Nguyễn Văn L không mở ra kiểm tra.

Cơ quan điều tra đã thu giữ: 02 bao tải dừa màu xanh; 03 bao tải dừa màu xanh được dán băng dính màu vàng; 03 khung gỗ (đã bị rời rạc khi mở tang vật); 04 thùng bìa cát tông; 02 vật hình tròn, vỏ giấy, bên trong có nhiều vật hình trụ vỏ giấy liên kết với nhau thành tràng; 02 vật hình khối được liên kết với nhau bằng 88 ống hình trụ vỏ giấy; 01 xe ô tô biển kiểm soát: 29H-032.69 cùng giấy tờ xe; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu trắng đen.

Tại bản Kết luận giám định số 55/KL-PC09 ngày 07/01/2020 của phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: Các mẫu vật gửi giám định có chứa thuốc pháo, khi đốt đều gây ra tiếng nổ.

Ngày 09/01/2020 Nguyễn Đức D đến Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an huyện Chi Lăng đầu thú và khai báo thành khẩn toàn bộ hành vi phạm tội như sau:

Nguyễn Đức D thường xuyên lên khu vực cửa khẩu C, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn để mua hàng điện tử gia dụng và có thuê một kho ở khu tái định cư, thị

trần Đ, huyện C1, tỉnh Lạng Sơn để chứa hàng. Trưa ngày 02/01/2020 Nguyễn Đức D gặp một người đàn ông Trung Quốc tên A H1 (trước đây đã từng lấy quạt hơi nước đến kho hàng cho D) ở quán bi-a gần khu vực cửa khẩu C, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. A H1 thuê D vận chuyển 02 (hai) bao pháo nổ đã được đóng khung gỗ từ thị trấn Đ, huyện C1, tỉnh Lạng Sơn về thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc cho khách của A H1, xong việc sẽ trả D 2.000.000 đồng tiền công, D đồng ý. Chiều tối ngày 02/01/2020 D gặp, nhờ anh Hà Ngọc M gọi điện thoại cho chị Kim Thị Thu H là nhà xe chở hàng tuyến Đ đi P, Vĩnh Phúc. D nói với chị H cần chở 02 (hai) bọc hàng là 01 (một) chiếc tivi và 02 (hai) chiếc loa được đóng khung gỗ về thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc. Chị H đồng ý và nói khi nào xe lên sẽ gọi. Khoảng 22 giờ cùng ngày, A H1 đến quán bi-a gần khu vực cửa khẩu C gặp D bảo *“hôm nay hàng không về được”*. D tìm gặp anh M mượn điện thoại để nhắn tin cho chị H báo hàng hôm nay không về được rồi lấy số điện thoại của chị H để tiện liên lạc.

Chiều tối ngày 03/01/2020 A H1 đến quán bi-a gặp D hẹn khoảng 03 giờ sáng ngày 04/01/2020 sẽ mang pháo đến kho hàng. Đến 00 giờ 03 phút ngày 04/01/2020 D sử dụng điện thoại di động Nokia màu đen có gắn sim số thuê bao: 0345.957.228 nhắn tin cho chị H bảo khi nào xe lên Đ thì gọi D để gửi hàng. Khoảng 03 giờ ngày 04/01/2020, A H1 điều khiển xe ô tô tải (không rõ biển kiểm soát) chở 02 (hai) bao tải dứa màu xanh, bên trong đóng khung gỗ chứa pháo đến kho hàng của D. Khoảng 06 giờ 40 phút ngày 04/01/2020 D gọi điện cho chị H hỏi xe đã đến Đ chưa thì chị H gửi số điện thoại của chồng là anh Nguyễn Văn L bảo D tự liên hệ. D gọi cho anh L thì biết xe đang ở bãi đỗ xe Q, thị trấn Đ, D ra bãi đỗ xe Q gặp anh L và chỉ đường cho anh L điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 29H-032.69 đến kho hàng của D. Sau đó D nhờ một người đàn ông (không quen biết) đi bộ ngoài đường cùng D bê 02 (hai) bao tải chứa pháo lên thùng xe ô tô. D bảo anh L chở số hàng trên về thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc sẽ có người liên lạc nhận hàng và trả cước là 400.000 đồng. Anh L hỏi là hàng gì, D nói bên trong là tivi và loa nên anh L không mở hàng hóa ra kiểm tra mà điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 29H-032.69 vận chuyển số hàng trên đi ra quốc lộ 1A để về Vĩnh Phúc. Sau đó, D gọi điện cho anh Nguyễn Xuân T bảo có hàng (không nói hàng gì) gửi về P, Vĩnh Phúc khi nào xe đến thì ra nhận hàng, trả cước xe và mang về nhà cho D. Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 04/01/2020, khi anh L điều khiển xe ô tô vận chuyển 02 (hai) bao pháo đến km 34 quốc lộ 1A thuộc địa phận thôn B, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn thì bị lực lượng Công an phát hiện. Sau khi không liên lạc được với anh L, biết đã bị bắt, để tránh bị phát hiện D đã rút chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia màu đen có gắn chiếc sim điện thoại 0345.957.228 xuống sông tại khu vực cầu M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Đến ngày 09/01/2020 D đến Công an huyện Chi Lăng đầu thú.

Cáo trạng số: 22/CT-VKSCL ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức D về tội Vận chuyển hàng cấm theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 191 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đức D khẳng định bị truy tố, xét xử về tội Vận chuyển hàng cấm như tại Cơ quan Điều tra là đúng, không oan. Bị cáo khai đã nhận vận chuyển 75,3 kg pháo nổ của một người đàn ông Trung Quốc từ khu vực thị trấn Đ về tỉnh Vĩnh Phúc để nhận tiền công. Sau đó Nguyễn Đức D thuê anh Nguyễn Văn L vận chuyển bằng xe ô tô biển kiểm soát 29H-032.69 về P, Vĩnh Phúc. Quá trình vận chuyển, chỉ có mình Nguyễn Đức D biết hàng hóa đó là pháo nổ, còn những người khác không hề biết.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên Cáo trạng truy tố và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, đồng thời đánh giá tính chất, động cơ, mục đích, tác hại của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, đánh giá về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng áp dụng đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức D phạm tội Vận chuyển hàng cấm; Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 191; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 50, 65 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức D từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm, cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định, không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Phần tranh luận: Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án này đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo đã khai rõ toàn bộ hành vi phạm tội như tại cơ quan Điều tra, lời khai của bị cáo Nguyễn Đức D phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện ngày 04/01/2020 Nguyễn Đức D đã thuê anh Nguyễn Văn L vận chuyển 75,3 kilôgam pháo nổ cho một người đàn ông Trung Quốc tên là A H1 từ thị trấn Đ, huyện C1, tỉnh Lạng Sơn về thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc để nhận 2.000.000 đồng tiền công. Khi anh Nguyễn Văn L vận chuyển pháo nổ bằng xe ô

tô biển kiểm soát 29H-032.69 đến km 34 quốc lộ 1A thuộc địa phận thôn B, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn thì bị kiểm tra, phát hiện. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Nguyễn Đức D phạm tội Vận chuyển hàng cấm, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 191 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Về tình tiết định khung: Do bị cáo Nguyễn Đức D có hành vi vận chuyển 75,3 kilôgam pháo nổ nên bị cáo phải chịu tình tiết định khung là vận chuyển pháo nổ từ 40 kilôgam đến dưới 120 kilôgam quy định tại điểm g khoản 2 Điều 191 của Bộ luật Hình sự.

[4] Hành vi của bị cáo Nguyễn Đức D là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về kinh tế. Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản cấm sản xuất, vận chuyển, buôn bán và đốt các loại pháo. Bị cáo Nguyễn Đức D là người có thể chất phát triển bình thường, có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi vận chuyển pháo nổ là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích hám lợi tiền công vận chuyển nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự và an toàn xã hội.

[5] Để cá thể hoá hình phạt, ngoài việc xem xét tính chất, hành vi phạm tội nêu trên thì còn phải xem xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ để quyết định hình phạt. Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Đức D là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện ra đầu thú về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tình tiết tăng nặng: Không có.

[6] Từ những phân tích trên, xét thấy bị cáo Nguyễn Đức D là người có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng, có nơi cư trú rõ ràng, ngoài lần phạm tội này bị cáo luôn chấp hành tốt chính sách của Đảng và pháp luật tại địa phương, bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo nên Hội đồng xét xử thấy không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù vì bị cáo có khả năng tự cải tạo tại địa phương, việc cho bị cáo được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội mà vẫn đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo, đồng thời cũng thể hiện được sự khoan hồng của pháp luật.

[7] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo vì không có khả năng thi hành, điều này phù hợp với kết quả xác minh của Cơ quan điều tra Công an huyện Chi Lăng và phù hợp với lời khai của bị cáo.

[8] Đối với người đàn ông Trung Quốc tên A H1 thuê D vận chuyển pháo và người đàn ông hộ D bê pháo lên xe ô tô, do không có thông tin cụ thể nên không thể tiến hành điều tra xác minh.

[9] Đối với anh Nguyễn Văn L và chị Kim Thị Thu H khi nhận chở hàng cho D không biết bên trong là pháo nổ, anh Hà Ngọc M đã cho D số điện thoại để thuê xe không biết mục đích D thuê xe để vận chuyển pháo nên không xem xét trách nhiệm hình sự.

[10] Đối với anh Nguyễn Xuân T không biết số hàng hóa D nhờ nhận tại thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc là pháo nổ nên không xem xét trách nhiệm hình sự.

[11] Về vật chứng: Ngày 08/01/2020 Công an huyện Chi Lăng đã tiến hành tiêu huỷ số pháo nổ còn lại sau giám định, bao tải dứa, khung gỗ, thùng bìa cat tông theo quy định. Ngày 13/01/2020 đã trả lại cho anh Nguyễn Văn L: 01 xe ô tô biển kiểm soát: 29H-032.69 cùng giấy tờ xe; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu trắng đen không liên quan đến việc phạm tội. Hiện nay không còn thu giữ vật chứng gì.

[12] Cáo trạng số: 22/CT-VKSCL ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Nguyễn Đức D theo tội danh và điều khoản trong Bộ luật Hình sự như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề nghị về tội danh, mức hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Đức D và xử lý vật chứng là có căn cứ.

[13] Về án phí: Do bị cáo Nguyễn Đức D bị kết án nên phải chịu án phí hình sự theo quy định. Bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 191; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50, các khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; các Điều 331, 332, 333, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức D phạm tội Vận chuyển hàng cấm.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức D 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 07 tháng 7 năm 2020. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn Q, huyện M, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Nguyễn Đức D được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Đức D phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách nhà nước.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Đức D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

***Nơi nhận:***

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Chi Lăng;
- Cơ quan CSĐT Công an H. Chi Lăng;
- Cơ quan THAHS Công an H. Chi Lăng;
- Chi cục thi hành án dân sự H. Chi Lăng;
- Sở tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Thị Hương Giang**